

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2019/HS-ST
Ngày 17/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An, ông Đỗ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2019/TLST-HS ngày 02/08/2019 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-HS ngày 18/09/2019 đối với:

1. Bị cáo: Lương Kiên Q, sinh năm 1984; Nơi đăng ký HKTT: Số 6/51/213 đường T, phường V, quận L, thành phố H Phòng; Nơi cư trú: Ngõ S, khu phố P, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: V N; Con ông Lương Xuân M, sinh năm 1948 và bà Tô Thị N sinh năm 1949; Có vợ là Lê Thị P, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2019 đến ngày 05/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị Hương H, sinh năm 1981; HKTT: Thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1972; HKTT: Thôn Mg, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1983; HKTT: Thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; HKTT: Thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Tạ Đức C, sinh năm 1995; HKTT: Thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Nghiêm Đình L, sinh năm 1992; HKTT: Thôn N, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1970; HKTT: Thôn N, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Ngô Đức V, sinh năm 1980; HKTT: Thôn P, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Chị Trần Thị N, sinh năm 1975; HKTT: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1976; HKTT: Thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1989; HKTT: Thôn P, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1980; HKTT: Thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 1983; HKTT: Thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985; HKTT: Thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
- Chị Lê Thị P, sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT: Số 6/51/213 đường T, phường V, quận L, thành phố H Phòng; Nơi cư trú: Ngõ S, khu phố P, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến đầu năm 2019, Lương Kiên Q đã cho các cá nhân vay tiền với mức lãi suất thỏa thuận từ 3.000 đồng/triệu/ngày, 5.000 đồng/triệu/ngày đến 7.000 đồng/triệu/ngày. Hình thức vay không cần tài sản

thể chấp. Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định mức lãi suất tối đa không vượt quá 20%/năm tức là 0,0547%/ngày. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Mức lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/triệu/ngày (0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm, gấp 5,48 lần pháp luật cho phép), 5.000 đồng/triệu/ngày (0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm, gấp 9,1 lần pháp luật cho phép), 7.000 đồng/triệu/ngày (0,7%/ngày tương đương 255,5%/năm, gấp 12,7 lần pháp luật cho phép). Cụ thể Q đã cho 12 người vay tiền với số tiền và mức lãi suất thỏa thuận như sau:

- Với mức lãi thỏa thuận 3.000 đồng/triệu/ngày, Q đã cho các cá nhân vay tiền như sau:

Ngày 21/01/2019 Q cho anh Nguyễn Đức M vay số tiền 25.000.000đ. Đến ngày 21/3/2019, anh M đã trả cho Q 63 ngày tiền lãi = số tiền 4.800.000 đồng. Theo quy định tại Điều 468 BLDS, Q được hưởng mức lãi suất theo quy định là: $25.000.000đ \times (20\%/365 \text{ ngày}) \times 63 \text{ ngày} = 863.014 \text{ đồng}$. Q thu lợi bất chính là: $4.800.000 \text{ đồng} - 863.014 \text{ đồng} = 3.936.986 \text{ đồng}$.

- Với mức lãi 5.000 đồng/triệu/ngày, Q đã cho các cá nhân vay tiền như sau:

+ Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2018 đến ngày 17/02/2019, Q cho chị Nguyễn Thị Hương H vay 12 lần tiền với tổng số tiền 205.000.000 đồng tiền gốc. Tính đến ngày 19/3/2019, chị H đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 71.700.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 63.535.616 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 8.164.384 đồng.

+ Từ ngày 25/5/2018 đến ngày 04/3/2019, Q cho anh Nguyễn Hữu D vay 3 lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Từ ngày 14/12/2018 đến 13/3/2019, anh D đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 8.150.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 7.299.543 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 850.457 đồng.

+ Ngày 07/8/2018, Q cho anh Nguyễn Tuấn V vay số tiền 15.000.000 đồng. Từ ngày 07/10/2018 đến ngày 07/3/2019, anh V đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 13.200.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 11.695.890 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.504.110 đồng.

+ Ngày 29/10 và ngày 11/11/2018, Q cho anh Nghiêm Đình L vay tổng số tiền 40.000.000 đồng. Từ ngày 29/10/2018 đến 28/2/2019, anh L đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 17.336.986 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 2.663.014 đồng.

+ Ngày 26/10/2018, Q cho anh Tạ Đức C vay số tiền là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 05/3/2019, anh C đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 6.500.000 đồng, trong đó

tiền lãi thu lợi bất chính là 5.787.671 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 712.329 đồng.

+ Ngày 03/11 và 05/12/2018, Q cho anh Nguyễn Duy N vay tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Từ ngày 03/11/2018 đến 12/01/2019, anh N đã trả cho Q số tiền gốc là 85.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 14.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 12.165.753 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 2.334.247 đồng.

+ Ngày 23/11/2018, Q cho anh Ngô Đức V vay số tiền là 15.000.000 đồng. Từ ngày 23/11/2018 đến 27/02/2019, anh V đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 8.556.164 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.043.836 đồng.

+ Ngày 03/12/2018, Q cho chị Trần Thị N vay số tiền là 10.000.000 đồng. Từ ngày 03/12/2018 đến 03/3/2019, chị N đã trả cho Q tiền gốc vay là 7.300.000 đồng và số tiền lãi là 4.150.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.656.849 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 493.151 đồng.

+ Trong khoảng thời gian từ ngày 26/4/2018 đến ngày 30/01/2019, Q cho anh Nguyễn Xuân L vay 03 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Từ ngày 05/12/2018 đến 21/3/2019, anh L đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 15.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 13.900.000 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.600.000 đồng.

- Với mức lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày, Q đã cho các cá nhân vay tiền như sau:

+ Ngày 22/8/2018, Q cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng. Từ ngày 12/12/2018 đến 20/3/2019, chị H đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 6.900.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 6.352.055 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 547.945 đồng.

+ Ngày 19 và 20/12/2018, Q cho anh Nguyễn Hữu H vay tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Từ ngày 20/12/2018 đến 20/3/2019, anh H đã trả cho Q tổng số tiền lãi là: 6.300.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 5.806.849 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 493.151 đồng.

Tổng số tiền Lương Kiên Q cho 12 người kể trên vay là: 525.000.000 đồng . Tổng số tiền lãi Q đã thu của người vay là 181.300.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 160.030.362 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 21.269.638 đồng.

Ngoài những người trên, Q còn cho 02 người khác vay tiền, nhưng mức lãi

suất thỏa thuận không vượt quá quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Ngày 25/01/2019, Q cho chị Nghiêm Thị T vay số tiền là 95.000.000 đồng. Đến ngày 25/02/2019, chị T đã trả cho Q số tiền lãi trong thời hạn 30 ngày là 4.000.000 đồng (tương đương 1.400 đồng/triệu/ngày tức 0,14%/ngày, 51%/năm, gấp 2,5 lần).

- Ngày 25/3/2019, Q cho anh Nguyễn Xuân H vay số tiền 10.000.000 đồng. Cùng ngày, anh H đã trả Q số tiền nêu trên nên Q không tính lãi suất đối với khoản vay của anh H.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đã Q định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn để xét xử bị cáo Lương Kiên Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2018 đến ngày 04/3/2019, bị cáo đã cho 12 người, gồm: chị Nguyễn Thị Hương H, Nguyễn Hữu D, anh Nguyễn Tuấn V, chị Nguyễn Thị H, anh Tạ Đức C, anh Nghiêm Đình L, anh Nguyễn Duy N, anh Ngô Đức V, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Đức M và anh Nguyễn Hữu H vay với tổng số tiền 525.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/triệu/ngày đến 7.000 đồng/triệu/ngày tương đương từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm (gấp từ 5,48 đến 12,7 lần mức pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự), thu lợi bất chính được tổng số tiền 160.030.362 đồng.

Tất cả 12 người vay tiền của Q gồm có chị Nguyễn Thị Hương H, anh Nguyễn Hữu D, anh Nguyễn Tuấn V, chị Nguyễn Thị H, anh Tạ Đức C, anh Nghiêm Đình L, anh Nguyễn Duy N, anh Ngô Đức V, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Đức M và anh Nguyễn Hữu H đều vắng mặt tại phiên tòa. Họ đều khai nhận việc vay tiền của Q là tự nguyện, không bị ép buộc. Khi vay tiền của Q, họ đều biết Q tính lãi suất cao hơn nhiều lần so với lãi suất quy định của Nhà nước. Do thủ tục vay đơn giản, không cần tài sản thế chấp và nhu cầu của bản thân nên họ vẫn Q định vay tiền của Q. Về số tiền gốc đã vay, Q và những người vay tiền không yêu cầu giải Q. Đối với số tiền lãi đã trả, những người đã vay tiền đều đề nghị giải Q theo quy định của pháp luật.

Chị Nghiêm Thị T và anh Nguyễn Xuân H xác định việc vay tiền với bị cáo Q là giao dịch dân sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có yêu cầu gì, họ tự giải Q với nhau về khoản nợ này.

Chị P đã thay bị cáo nộp số tiền 100.000.000 đồng tiền thu lời bất chính để trả cho những người vay tiền. Chị xác định đây là tài sản C của vợ chồng và không có yêu cầu gì.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn vẫn giữ nguyên Q định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Kiên Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị Q số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử phạt bị cáo Lương Kiên Q từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo Q từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật hình sự. Truy thu số tiền Q dùng để cho vay 525.000.000 đồng và tiền lãi đã thu của người vay theo quy định của pháp luật 21.269.638 đồng. Tổng cộng là 546.269.638 đồng. Số tiền Q thu lời bất chính 160.030.362 (tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật) pH trả lại cho những người vay, cụ thể Q pH trả cho anh Nguyễn Đức M 3.936.986 đồng; chị Nguyễn Thị Hương H 63.535.616 đồng; anh Nguyễn Hữu D 7.299.543 đồng; anh Nguyễn Tuấn V 11.695.890 đồng; anh Nghiêm Đình L 17.336.986 đồng; anh Tạ Đức C 5.787.671 đồng; anh Nguyễn Duy N 12.165.753 đồng; anh Ngô Đức V 8.556.164 đồng; chị Trần Thị N 3.656.849 đồng; anh Nguyễn Xuân L 13.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị H 6.352.055 đồng; anh Nguyễn Hữu H 5.806.849 đồng.

Tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng gia đình Q đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2018 đến ngày 04/3/2019, bị cáo đã cho 12 người, gồm: chị Nguyễn Thị Hương H, Nguyễn Hữu D, anh Nguyễn Tuấn V, chị Nguyễn Thị H, anh Tạ Đức C, anh Nghiêm Đình L, anh Nguyễn Duy N, anh Ngô Đức V, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Đức M và anh Nguyễn Hữu H vay với tổng số tiền 525.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm (gấp từ 5,48 đến 12,7 lần mức pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Bị cáo đã thu được tổng số tiền lãi 181.300.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 160.030.362 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 21.269.638 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Kiên Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến chế độ quyền quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến chính sách tín dụng của Nhà nước mà còn là nguyên nhân gây mất trật tự an toàn xã hội, làm cho hoàn cảnh của nhiều gia đình điêu đứng, tiếp tay cho tệ nạn tín dụng đen phát triển, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình và áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa C.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Chỉ vì hám lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mẹ bị cáo là Tô Thị Nữ tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Bố bị cáo là ông Lương Xuân Miên tham gia kháng chiến và bị thương, hiện là thương binh. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng thu lời bất chính nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong khi lại có nhiều tình tiết

giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đối cH với các quy định tại Điều 2 Nghị Q 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Q cho vay tiền với lãi suất cao nhằm mục đích thu lợi nhuận nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Số tiền Q dùng để cho vay 525.000.000 đồng và tiền lãi đã thu của người vay theo quy định của pháp luật 21.269.638 đồng. Tổng cộng là 546.269.638 đồng cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 160.030.362 Q thu lời bất chính (tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật) pH trả lại cho những người vay, cụ thể Q pH trả cho anh Nguyễn Đức M 3.936.986 đồng; chị Nguyễn Thị Hương H 63.535.616 đồng; anh Nguyễn Hữu D 7.299.543 đồng; anh Nguyễn Tuấn V 11.695.890 đồng; anh Nghiêm Đình L 17.336.986 đồng; anh Tạ Đức C 5.787.671 đồng; anh Nguyễn Duy N 12.165.753 đồng; anh Ngô Đức V 8.556.164 đồng; chị Trần Thị N 3.656.849 đồng; anh Nguyễn Xuân L 13.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị H 6.352.055 đồng; anh Nguyễn Hữu H 5.806.849 đồng.

Số tiền 100.000.000 đồng, chị P là vợ của Q đã thay bị cáo nộp số tiền này để trả cho người vay tiền khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật. Chị xác định đây là tài sản C của vợ chồng và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q. Số tiền này cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án có 2 người vay tiền của anh Q là chị Nghiêm Thị T vay số tiền là 95.000.000 đồng nhưng số tiền lãi chị T đã trả cho Q trong thời hạn 30 ngày là 4.000.000 đồng (tương đương 1.400 đồng/triệu/ngày tức 0,14%/ngày, 51%/năm, gấp 2,5 lần quy định của pháp luật); Anh Nguyễn Xuân H vay số tiền 10.000.000 đồng, cùng ngày, anh H đã trả Q số tiền nêu trên nên Q không tính lãi suất đối với khoản vay của anh H. Đây là giao dịch dân sự giữa 2 bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q đối với 2 khoản vay này.

Đối với anh Nguyễn Hà T là người đã cho Q thuê nhà tại xóm C, thôn T, xã T, thị xã T để Q làm địa điểm giao dịch cho vay tiền. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, khi anh T cho Q thuê nhà, anh không biết Q sử dụng nhà của mình để làm nơi kinh doanh cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Q 326/2016/ UBTWQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lương Kiên Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lương Kiên Q 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 30.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền Q dùng để cho vay 525.000.000 đồng và tiền lãi đã thu của người vay theo quy định của pháp luật 21.269.638 đồng. Tổng cộng là 546.269.638 đồng.

Số tiền 160.030.362 Q thu lời bất chính (tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật) trả lại cho những người vay, cụ thể Q pH trả cho anh Nguyễn Đức M 3.936.986 đồng; chị Nguyễn Thị Hương H 63.535.616 đồng; anh Nguyễn Hữu D 7.299.543 đồng; anh Nguyễn Tuấn V 11.695.890 đồng; anh Nghiêm Đình L 17.336.986 đồng; anh Tạ Đức C 5.787.671 đồng; anh Nguyễn Duy N 12.165.753 đồng; anh Ngô Đức V 8.556.164 đồng; chị Trần Thị N 3.656.849 đồng; anh Nguyễn Xuân L 13.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị H 6.352.055 đồng; anh Nguyễn Hữu H 5.806.849 đồng.

Tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng Q đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày Bản án, Q định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH

thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị cáo pH chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- Công an thị xã Từ Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh